

# CÔNG BÁO

NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

## MỤC LỤC

|   | <i>Trang</i> |  | <i>Trang</i> |
|---|--------------|--|--------------|
| <b>HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ</b>   |              | <b>BỘ LAO ĐỘNG</b>   |              |
| 19-6-1973 — Nghị quyết số 109 - CP về một số chính sách cụ thể đối với đồng bào các dân tộc và cán bộ vùng cao . . . . .                          | 161          | 15-6-1973 — Thông tư số 6 - LB/TT về việc phân cấp trách nhiệm trong việc xét và giải quyết các vụ khiếu tố thuộc chính sách, chế độ lao động tiền lương của Nhà nước. . . | 169          |
| 28-6-1973 — Nghị định số 111 - CP về chính sách đối với cán bộ y tế xã bị thương hoặc hy sinh trong khi làm nhiệm vụ cấp cứu phòng không. . . . . | 164          | <b>BỘ TÀI CHÍNH</b>  |              |
| <b>CÁC BỘ</b>   |              | 22-6-1973 -- Thông tư số 136 - TT/HCVX về việc thanh toán tiền cước đi máy bay ở trong nước của cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước . . .                                | 172          |
| <b>LIÊN BỘ Y TẾ — GIÁO DỤC</b>  |              |  |              |
| 7-6-1973 — Thông tư số 9 - LB/YT/GD hướng dẫn công tác y tế trường học. . . . .   | 165          |  |              |

### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

**NGHỊ QUYẾT số 109-CP ngày 19-6-1973 về một số chính sách cụ thể đối với đồng bào các dân tộc và cán bộ vùng cao.**

Vùng cao nằm trên một diện tích tương đối lớn ở miền Bắc nước ta, có vị trí quan trọng về chính trị, quốc phòng, kinh tế và có nhiều đặc điểm khác biệt so với các vùng khác.

Trong những năm qua trình độ mọi mặt của nhân dân các dân tộc vùng cao đã có tiến bộ hơn trước. Tuy nhiên, đến nay sản xuất của nhân dân ở nhiều nơi chưa ổn định, tệ phá rừng còn nghiêm trọng, đời sống vật chất và văn hóa chưa được nâng cao đúng mức, đội ngũ cán bộ dân tộc thiếu và yếu, nhất là ở cơ sở.

Để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng chung trong giai đoạn mới, các ngành ở trung ương và Ủy ban hành chính các khu, tỉnh miền núi phải có kế hoạch và biện pháp đầy mạnh

mọi mặt công tác ở vùng cao, khai thác và sử dụng mọi cách, hợp lý các khả năng đất đai và tài nguyên, phát huy khả năng lao động sáng tạo của nhân dân vùng cao, ngăn chặn tệ phá rừng, nhằm phát triển kinh tế nhất là phát triển mạnh sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp, từng bước ổn định và nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Để bảo đảm yêu cầu nói trên, công tác lớn và rất cơ bản là phải tập trung sức giúp đỡ và tạo điều kiện để nhân dân xác định được phương hướng sản xuất phù hợp với điều kiện cụ thể ở từng vùng và đi vào làm ăn theo phương hướng mới. Ủy ban hành chính các khu tự trị và các tỉnh có vùng cao phải căn cứ vào điều kiện đất đai, khí hậu ở từng nơi và căn cứ vào quy hoạch chung mà hướng dẫn, giúp đỡ và chỉ đạo từng vùng chuyển từ sản xuất bằng cách phá rừng làm nương rẫy, sản xuất lương thực tự túc, sang trồng rừng, cải tạo bảo vệ rừng, trồng cây công nghiệp, cây đặc sản, thâm canh cây lương thực, phát triển chăn nuôi, thực hiện định canh, định cư. Ủy ban Nông nghiệp trung ương, Tổng cục Lâm nghiệp và các ngành có liên quan khác phải ra sức giúp đỡ các khu tự trị, các tỉnh có vùng cao trong việc quy hoạch các vùng lớn, xác định phương hướng sản xuất cho từng vùng, xây dựng những cơ sở vật chất và kỹ thuật cần thiết để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, mở rộng ngành nghề theo hướng mới.

Ủy ban Dân tộc trung ương phải phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan và các Ủy ban hành chính các khu tự trị, các tỉnh miền núi để nghiên cứu kịp thời, toàn diện các chính sách đối với vùng cao và trình Thường vụ Hội đồng Chính phủ xét.

Trước mắt, để giải quyết khó khăn cho vùng cao và tạo thêm điều kiện cho vùng cao đẩy mạnh phát triển kinh tế văn hóa, Thường vụ Hội đồng Chính phủ quyết định ban hành một số chính sách cụ thể sau đây đối với đồng bào các dân tộc và cán bộ vùng cao.

## **1. Về chính sách đầu tư vốn giúp các vùng cao xây dựng cơ sở ban đầu cho sản xuất, đời sống và văn hóa.**

Để giúp nhân dân các vùng cao xây dựng cơ sở sản xuất lâu dài và tổ chức việc ăn ở ổn định, cần phát huy sức lao động to lớn, cần cù và dũng cảm của nhân dân tự lực cánh sinh, đồng thời Nhà nước cũng ra sức giúp đỡ vốn đầu tư xây dựng những công trình khó thu hồi vốn, hoặc lâu năm mới thu hồi được vốn như: khai hoang mở rộng diện tích và xây dựng đồng ruộng, làm giao thông và xây dựng những công trình thủy lợi đầu mối, xây dựng những cơ sở cần thiết phục vụ cho việc học hành, chữa bệnh, v.v.

Đối với các loại vốn đầu tư vào trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng có thể thu hồi vốn tương đối nhanh, thì Ngân hàng Nhà nước cho vay với lãi suất nhẹ.

Vốn Nhà nước trợ cấp hay Ngân hàng cho vay phải được quản lý chặt chẽ, sử dụng tập trung và dứt điểm từng vùng, nhằm giúp đỡ thiết thực cho đồng bào các dân tộc vùng cao xây dựng được cơ sở sản xuất lâu dài, đời sống và văn hóa một cách ổn định, chú trọng các vùng trọng điểm cần được định canh định cư và phát triển sản xuất nhanh; sau đó sẽ lần lượt làm ở các vùng khác.

Hàng năm, khi xây dựng kế hoạch, các địa phương phải có kế hoạch xây dựng những cơ sở ban đầu về sản xuất, đời sống và văn hóa cho các vùng cao, bao gồm kế hoạch tiền vốn, lương thực, vật tư... mà Nhà nước phải đầu tư.

Bộ Tài Chính, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các ngành có trách nhiệm đề hướng dẫn cụ thể việc giúp đỡ vốn và cho vay vốn nói trên.

## **2. Chính sách thuế nông nghiệp và chính sách lương thực, thực phẩm đối với vùng cao.**

a) Để tạo điều kiện cho các dân tộc vùng cao đi vào làm ăn theo phương hướng sản xuất mới, từ nay Nhà nước miễn thu thuế nông nghiệp ở các vùng cao. Ở những nơi diện tích ruộng đất ít, sản xuất lương thực không ổn định, phải

phá rừng làm nương rẫy, nay chuyển sang nghề rừng, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi... đều được miễn không phải làm nghĩa vụ bán lương thực cho Nhà nước. Nhà nước cũng không thu mua lương thực theo giá cao ở những nơi này. Thay vào các nghĩa vụ trên, đồng bào các dân tộc sẽ bán các sản phẩm khác cho Nhà nước, tham gia lao động xây dựng những cơ sở vật chất và kỹ thuật để phục vụ lợi ích chung trong vùng.

Khi thi hành chính sách miễn thuế nông nghiệp và chính sách nghĩa vụ lương thực trên đây, tình nào bị hụt mức ổn định nghĩa vụ lương thực sẽ được điều chỉnh lại.

b) Việc bán thịt lợn cho Nhà nước theo nghĩa vụ và bán thịt lợn theo giá khuyến khích cũng không đặt ra đối với các vùng cao chưa có cơ sở sản xuất ổn định. Ủy ban hành chính các huyện vùng cao phải có kế hoạch tổ chức chăn nuôi quốc doanh và hướng dẫn giúp đỡ nhân dân các thị trấn phát triển chăn nuôi mà không được phá rừng, để bảo đảm có thịt cho cán bộ, công nhân viên và nhân dân.

c) Tăng thêm tiêu chuẩn cung cấp lương thực cho mỗi cán bộ, công nhân, viên chức thường xuyên công tác ở vùng cao lên 21 kilôgam mỗi tháng (kể cả ăn sáng).

d) Tất cả các học sinh cấp II và cấp III ở nội trú được mua lương thực ăn theo tiêu chuẩn hàng tháng đã quy định cho từng lứa tuổi; những học sinh ở với gia đình cũng được mua theo tiêu chuẩn quy định (nếu Nhà nước điều hòa cung cấp lương thực chung rồi thì được mua thêm phần chênh lệch cho bản thân học sinh). Học sinh các trường thanh niên dân tộc có nhiệm vụ vừa học, vừa làm nếu không trông lương thực hoặc không tự túc đủ lương thực cũng được cung cấp lương thực theo nhu cầu thực tế của từng trường.

e) Mỗi xã vùng cao mỗi tháng được mua cung

cấp một số lương thực bằng khoảng 3 suất ăn thường xuyên theo tiêu chuẩn Nhà nước đã quy định để cán bộ chủ chốt của xã ăn trong những ngày phải thường trực làm việc tại trụ sở xã. Ngoài ra mỗi xã, mỗi năm được mua một số lương thực dùng cho các hội nghị chung của xã. Cán bộ, công nhân, viên chức người dân tộc bản công tác, có gia đình ở vùng cao, không đủ lương thực ăn thì được xét cho mua một số lương thực cho gia đình.

### 3. Về chính sách giá cả đối với một số mặt hàng thiết yếu cho đời sống các dân tộc miền núi.

a) Muối : giá muối ở miền núi nói chung đều giảm xuống 0đ40 một kilôgam. Nơi nào đã bán giá muối dưới 0đ40/kg nay vẫn giữ nguyên.

b) Dầu hỏa : Nói chung đều giảm giá xuống theo khu vực IV (1đ56/kg).

c) Vải : giá vải trước đây đã bán theo khu vực IV nay được hạ xuống khu vực III.

### 4. Bổ sung và sửa đổi một số tiêu chuẩn dưới đây :

a) Tất cả nhân dân, cán bộ, công nhân, viên chức công tác thường xuyên ở vùng cao mỗi người hàng năm được mua 6 mét vải (kể cả tiêu chuẩn 1 mét vải theo thị hiếu dân tộc đã quy định trước đây). Nơi nào đã được phân phối theo tiêu chuẩn cao hơn vẫn được giữ nguyên.

b) Mỗi cán bộ, công nhân, viên chức thường xuyên công tác ở vùng cao, hàng tháng được mua đường gấp đôi tiêu chuẩn bình thường và cứ 3 năm được mua 1 áo bông, 5 năm được mua một chăn bông, (không thu phiếu vải mua vỏ chăn). Những người thuộc diện được phát không áo bông, chăn bông theo quy định trước đây vẫn được giữ nguyên. Giáo viên người vùng

cao cũng được cấp chẩn bông theo tinh thần chỉ thị số 20-TTg ngày 10-3-1969 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nữ cán bộ, công nhân, viên chức thường xuyên công tác ở vùng cao được tăng thêm một tháng nghỉ đẻ so với thời gian quy định chung. Nữ cán bộ có con nhỏ trong lứa tuổi gửi nhà trẻ nếu tự thu xếp việc giữ con thì được tăng thêm mức trợ cấp 5 đồng lên 10 đồng một tháng; tiền trợ cấp được cấp từ khi mẹ hết hạn nghỉ đẻ cho đến khi con đủ 36 tháng.

d) Đối với cán bộ, công nhân, viên chức ở vùng thấp hoặc vùng xuôi lên công tác lâu ngày ở vùng cao bị giảm sức khỏe hoặc gia đình gặp khó khăn được chuyển về công tác ở nơi cũ, các cấp chính quyền nơi cũ có trách nhiệm giúp đỡ, bố trí công tác hợp lý.

đ) Ở các trường sư phạm và dự bị sư phạm có nội trú ở vùng cao, giáo viên được hưởng phụ cấp 5% lương mỗi tháng về trách nhiệm quản lý. Giáo viên dạy kiêm lớp nói chung đều được hưởng thêm phụ cấp theo số lớp phải dạy kiêm. (nếu ghép 2 lớp được 5 đồng, ghép 3 lớp được 10 đồng và kiêm cả võ lòng, bồi túc văn hóa và phổ thông thì được hưởng 15 đồng một tháng).

Trong lúc chưa có quy định chính thức của Nhà nước về phạm vi các vùng cao, nghị quyết này được thi hành trong phạm vi vùng cao mà các Ủy ban hành chính tỉnh đã quyết định trước đây. Ủy ban hành chính các khu tự trị, các tỉnh có vùng cao, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Nông nghiệp trung ương, Ủy ban Vật giá Nhà nước, Bộ Lương thực và thực phẩm, Bộ Nội thương, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Bộ Giáo dục, Tổng cục Lâm nghiệp và Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Hà-nội, ngày 19 tháng 6 năm 1973

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

**NGHỊ ĐỊNH số 111-CP ngày 28-6-1973**  
về chính sách đối với cán bộ y tế  
xã bị thương hoặc hy sinh trong khi  
làm nhiệm vụ cấp cứu phòng không.

## HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Đề khuyến khích và đãi ngộ thích đáng những cán bộ y tế dũng cảm hy sinh trong khi làm nhiệm vụ cấp cứu phòng không;

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Y tế,

## NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. — Nay bổ sung vào cuối điều 4 nghị định số 111b/CP ngày 20-7-1967 về chế độ đãi ngộ đối với quân nhân, cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân bị thương, bị hy sinh hoặc mất sức lao động trong khi làm nhiệm vụ chống Mỹ cứu nước, một đoạn mới như sau :

« Những cán bộ y tế xã, hợp tác xã, không phải là dân quân tự vệ) tham gia các tổ chức cấp cứu phòng không, nếu bị thương, bị chết do địch đánh phá trong khi đang làm nhiệm vụ cấp cứu cho những người bị thương, vận chuyển người bị thương đến các địa điểm cấp cứu, bệnh xá, bệnh viện hoặc trong khi làm nhiệm vụ thường trực cấp cứu phòng không ở nơi thường xuyên bị địch đánh phá như bến tàu, bến phà, đầu cầu, ở những đầu mối giao thông quan trọng..., cũng được hưởng chế độ đãi ngộ như đối với dân quân tự vệ bị thương hoặc chết trong khi làm nhiệm vụ ».

Điều 2. — Ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ và ông Bộ trưởng Bộ Y tế chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 28 tháng 6 năm 1973

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ